

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HSST

Ngày: 28/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Danh Tuyên

- Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST - HS ngày 12/03/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc Đ.** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10/6/2000 tại xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: xóm 4, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên cha: Phạm Văn H, Sinh năm 1976 (Đã chết). Họ tên mẹ: Đặng Thị Hồng Nh, sinh năm 1980. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình. Điều cư trú tại xóm 4, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 393/2017/HSST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 29 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong án phạt tù ngày 11/7/2019. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2020 tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Nghệ An cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 01/01/2020, Phạm Ngọc Đ đi xuống khu vực phường N, thị xã C để mua ma túy về sử dụng. Tại đây, Đ gặp một người đàn ông tên X (Không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể). Tại đây, Đ nói với X là: “*Bán cho em bạch ba trăm*” (Ý nói bán cho một gói ma túy với giá 300.000 đồng), X không nói gì, nhận 300.000 đồng của Đ đưa và đi khoảng 05 phút sau quay lại đưa cho Đ 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa ma túy. Đ cầm gói ma túy đi về khu vực Bệnh viện Đa khoa huyện N lấy một ít ma túy ra sử dụng, số ma túy còn lại, Đ bỏ trong túi áo khoác màu đen đang mặc rồi đi chơi điện tử. Đến khoảng 10 giờ ngày 02/01/2020, Đ đi đến khu vực xóm Bệnh viện, xã NT, huyện N thì bị Công an huyện N kiểm tra, phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trong túi áo khoác màu đen của Phạm Ngọc Đ 01 gói nilon màu trắng, kích thước 2cm x 2cm, bên trong có chứa các chất tinh thể màu trắng (Nghĩ là ma túy) và đã tiến hành niêm phong vật chứng nêu trên.

Ngày 03/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng toàn bộ gói chất tinh thể màu trắng (Nghĩ là ma túy) thu giữ của Phạm Ngọc Đ có khối lượng cả bì là 0,25 gam (Không phải hai lăm gam). Sau khi loại bỏ bao bì, số chất tinh thể màu trắng (Nghĩ là ma túy) còn lại khối lượng là 0,2 gam (Không phải hai gam) và lấy 0,1 gam (Không phải một gam) gửi đi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 130/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 07/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “*Mẫu chất tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Ngọc Đ gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Số chất tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Ngọc Đ có khối lượng là 0,2 gam (Không phải hai gam)*”.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS-HS ngày 10/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Phạm Ngọc Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về vật chứng: 01 (Một) phong bì thư Công an huyện, mặt trước có ghi: “*Vật chứng còn lại thu giữ của Phạm Ngọc Đ, sinh năm 2000 vào ngày 02/01/2020*”. Bên trong có 01 bao ni lông màu trắng, hình chữ nhật chứa 0,1 gam chất ma túy còn lại thu giữ của Phạm Ngọc Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù. Và đề nghị xử lý vật chứng vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện N, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều được thực hiện hợp pháp.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. lời khai của bị cáo phù hợp với các vật chứng thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 02/01/2020, tại khu vực xóm Bệnh viện, thuộc xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An, Phạm Ngọc Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,2 gam (Không phải hai gam) chất ma túy (Methamphetamine) nhằm mục đích để sử dụng thì bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy nêu trên. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Về tính chất vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy; gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu là đã bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt tù về hành vi “Cướp giật tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù nhưng không tu chí làm ăn, mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy cần xét xử nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng là tái phạm, theo điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có việc làm, không có tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng: 01 (Một) phong bì thư Công an huyện, mặt trước có ghi: “*Vật chứng còn lại thu giữ của Phạm Ngọc Đ, sinh năm 2000 vào ngày 02/01/2020*”. Bên trong có 01 bao ni lông màu trắng, hình chữ nhật chứa 0,1 gam chất ma túy còn lại thu giữ của Phạm Ngọc Đ. Số vật chứng này là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về các nội dung liên quan khác:

Đối với người đàn ông tên X đã bán ma túy cho Phạm Ngọc Đ, kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- *Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;*

- *Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

- *Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Phạm Ngọc Đ **2 (Hai) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 02/01/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì thư niêm phong do Công an huyện N ban hành, bên ngoài có ghi: “*Vật chứng còn lại thu giữ của Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1990 vào ngày 22/01/2020*”.

(Vật chứng hiện đang lưu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận ngày 31/03/2020).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Công an h. N;
- VKSND h. N;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A DS h.N;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Vũ Đức Thúy